

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CẨM VÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:28/CV-UBND

V/v hướng dẫn kinh doanh, sử dụng
thuốc BVTV, kiểm soát thuốc BVTV bị
loại bỏ khỏi Danh mục thuốc BVTV
được phép sử dụng tại Việt Nam

Cẩm Vân, ngày 26 tháng 02 năm 2021

Kính gửi:.....Trưởng thôn.....

Thực hiện Công văn số 330/UBND - NN ngày 23/02/2021 của UBND huyện Cẩm Thủy về việc Tăng cường công tác quản lý thuốc BVTV, kiểm soát thuốc BVTV bị loại bỏ khỏi Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam; Công văn số 03/CV-TT&BVTV ngày 24/02/2021 của Trung tâm DV Nông nghiệp V/v hướng dẫn tuyên truyền, quản lý việc sử dụng thuốc BVTV, kiểm soát thuốc BVTV bị loại bỏ khỏi danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam, UBND xã hướng dẫn một số nội dung tuyên truyền, quản lý thuốc BVTV, kiểm soát thuốc BVTV bị loại bỏ khỏi Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam như sau:

- Bằng các hình thức thích hợp, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn các cửa hàng kinh doanh, bà con nhân dân về việc tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý thuốc BVTV. Đặc biệt triển khai thực hiện việc cấm các thuốc BVTV có chứa hoạt chất Chlorpyrifos Ethyl (Bao gồm 172 tên hoạt chất – nguyên liệu thuốc trừ sâu, 01 tên hoạt chất – nguyên liệu thuốc trừ mối) và Fipronil (Bao gồm 89 tên hoạt chất – nguyên liệu thuốc trừ sâu, 01 tên hoạt chất – nguyên liệu thuốc trừ mối, 01 tên hoạt chất – nguyên liệu thuốc xử lý hạt giống) không được kinh doanh, buôn bán, sử dụng kể từ ngày 12/02/2021 (Có danh mục kèm theo Quyết định số: 501/QĐ-BNN-BVTV).

- Theo dõi và kịp thời phát hiện, báo cáo với lãnh đạo và cơ quan chức năng để kịp thời xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân kinh doanh, buôn bán, sử dụng thuốc BVTV cấm, thuốc BVTV nhập lậu, thuốc BVTV giả, thuốc BVTV ngoài Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật và công khai vi phạm trên thông tin đại chúng.

- Thông báo cho các hộ kinh doanh vật tư nông nghiệp trong thôn thực hiện đúng các quy định về kinh doanh buôn bán vật tư nông nghiệp theo pháp luật. Không kinh doanh, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật chung với các loại hàng hóa khác như: Lương thực, thực phẩm, hàng giải khát, thức ăn chăn nuôi, thuốc y tế, thuốc thú y.

- Thông báo cho nhân dân sử dụng thuốc bảo vệ thực vật đúng với nội dung hướng dẫn sử dụng ghi trên nhãn thuốc, không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không có tên trong Danh Mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam. Thu gom, để đúng nơi quy định bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng.

Trên đây là những nội dung liên quan đến việc quản lý, kinh doanh và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo quy định hiện hành. Đề nghị các trưởng thôn tuyên truyền, thông báo đến các tổ chức, cá nhân kinh doanh và nhân dân thực hiện tốt các nội dung trên./.

Nơi nhận:

- 8 thôn (t/h)
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Duy Vĩnh

PHỤ LỤC

DANH SÁCH CÁC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT BỊ LOẠI KHỎI DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 501/QĐ-BNN-BVTV ngày 12 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn).

1. Danh sách các thuốc bảo vệ thực vật chứa hoạt chất Chlorpyrifos Ethyl

TT	TÊN HOẠT CHẤT- NGUYÊN LIỆU (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (CROP/PEST)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
1. Thuốc trừ sâu				
1	Abamectin 25g/l + Alpha-cypermethrin 50g/l + Chlorpyrifos Ethyl 475g/l	Fultoc super 550EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
		Sacophos 550EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
2	Abamectin 1.5% + Chlorpyrifos Ethyl 48.5%	Acek 50EC	sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
3	Abamectin 40 g/l + Chlorpyrifos Ethyl 150g/l	Cây búa vàng 190EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
4	Abamectin 9 g/l + Chlorpyrifos Ethyl 241g/l	Monifos 250EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
5	Abamectin 10 g/l + Chlorpyrifos Ethyl 545g/l	Paragon 555EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
6	Abamectin 0.9% + Chlorpyrifos Ethyl 24.1%	Phesoltinfos 25EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
7	Abamectin 2g/l + Chlorpyrifos Ethyl 148g/l	Vibafos 15 EC	sâu xanh da láng/ lạc, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
8	Abamectin 20 g/l + Chlorpyrifos Ethyl 265g/l + Fenobucarb 265 g/l	Furacarb 550EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
9	Buprofezin 100g/l + Chlorpyrifos ethyl 400g/l + Fenobucarb 200g/l	Oshanpro 700EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
10	Abamectin 18g/l + Chlorpyrifos ethyl 277.5g/l + Fipronil 37.5g/l	Roctac 333EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
11	Alpha-cypermethrin 50g/l + Chlorpyrifos ethyl 520g/l + Indoxacarb 30g/l	Groudo 600EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đầu tư TM và PTNN ADI
12	Abamectin 25g/l (36g/l), (25g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 505g/l (568g/l), (605g/l) + Lambda-cyhalothrin 25g/l	Cotoc 555EC, 668EC, 700EC	555EC: sâu cuốn lá/ lúa 668EC: rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ

	(64g/l), (70g/l)		700EC: rầy nâu/ lúa	
13	Abamectin 25g/l + Chlorpyrifos Ethyl 505g/l + Lambda-cyhalothrin	Rotoc 555EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
14	Abamectin 15g/l (25g/l), (25g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 300g/l (505g/l), (610g/l) + Lambda-cyhalothrin 18g/l (25g/l), (65g/l)	Sixtoc 333EC, 555EC, 700EC	333EC: Sâu cuốn lá/lúa 555EC: Sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rệp sáp giả/cà phê, sâu đục quả/đậu tương 700EC: Sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
15	Abamectin 18g/l + Chlorpyrifos ethyl 260.3g/l + Fipronil 37.5g/l + Lambda-cyhalothrin 17.5g/l	Datoc 333.3EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
16	Acephate 21% + Chlorpyrifos Ethyl 14%	Achony 35 WP	sâu đục quả/ đậu tương, sâu nâu/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
17	Acetamiprid 150 g/kg + Buprofezin 150 g/kg + Chlorpyrifos Ethyl 450g/kg	CLB-Thôn trang 750WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
18	Acetamiprid 200g/l + Buprofezin 150g/l + Chlorpyrifos ethyl 400g/l	Chlorusa 750EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
19	Acetamiprid 50g/l (240g/kg), (100g/kg) (100g/l) + Chlorpyrifos ethyl 200g/l (10g/kg), (400g/kg), (550g/l)	Checsusa 250EC, 250WG, 500WP, 650EC	250EC: Rệp sáp/ cà phê 250WG: Rệp bông xo/ mía 500WP: Sâu đục thân, rầy nâu/lúa 650EC: Sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
20	Acetamiprid 2% + Chlorpyrifos Ethyl 18%	Ecasi 20EC	rệp sáp/ cà phê; rầy nâu/lúa	Công ty CP Enasa Việt Nam
		Nicopro 20EC	Sâu đục thân, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nicotex
21	Acetamiprid 30g/l+ Chlorpyrifos Ethyl 495g/l	Megashield 525EC	Rầy nâu, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa; mọt đục cành, rệp sáp/ cà phê; sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
22	Acetamiprid 200 g/kg + Chlorpyrifos Ethyl 300g/kg	Mopride rubi 500WP	Rệp sáp/cà phê ; sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
23	Acetamiprid 80g/l + Chlorpyrifos Ethyl 400g/l	Classico 480EC	Rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP VTNN Việt Nông
24	Acetamiprid 200g/l + Chlorpyrifos ethyl 500g/l	Fivtoc super 700EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
25	Acetamiprid 100g/l + Chlorpyrifos Ethyl 260g/l +	Politoc 666EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa

	Fenobucarb 306g/l			Bình
26	Acetamiprid 200g/kg + Chlorpyrifos Ethyl 400g/kg + Imidacloprid 200g/kg	Xojapane 800WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
27	Alpha-cypermethrin 30g/l (50g/kg) + Buprofezin 100g/l (200g/kg) + Chlorpyrifos Ethyl 300g/l (500g/kg)	Soddy 430EC, 750WP	430EC: rầy nâu/ lúa 750WP: sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH An Nông
28	Alpha - cypermethrin 1% (2%), (1.6%) + Chlorpyrifos Ethyl 16% (38%), (65%)	Apphe 17EC, 40EC, 666EC	17EC: sâu đục thân/ lúa, ngô; sâu xanh/đậu tơi; sâu đục quả/ bông vải 40EC: sâu đục quả/ đậu tơi, rệp sáp/ cà phê, bọ xít muỗi/ điều, sâu khoang/ lạc, sâu cuốn lá/ lúa, mối/ cao su 666EC: sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp/cà phê, sâu khoang/đậu tơi	Công ty CP Đồng Xanh
29	Alpha-cypermethrin 20g/l (40g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 230g/l (460g/l)	Supertac 250EC, 500EC	250EC: sâu khoang/ lạc 500EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
30	Alpha-cypermethrin 50g/l + Chlorpyrifos Ethyl 500g/l	Fitoc 550EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
31	Alpha-cypermethrin 50g/l (50g/kg), (50g/l), (50g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 25g/l, (500g/kg), (600g/l), (700g/l)	VK.sudan 75EC, 550WP, 650EC, 750EC	75EC: Bọ trĩ/ lúa 550WP: Rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu xanh da láng/ đậu tơi; rệp sáp/ cà phê 650EC: Rầy nâu, nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tơi; rệp sáp/ cà phê 750EC: Rệp sáp/cà phê; sâu xanh da láng/đậu tơi; sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
32	Alpha-cypermethrin 2% + Chlorpyrifos Ethyl 38%	Careman 40EC	Mọt đục cành/cà phê	Công ty CP TST Cần Thơ
33	Alpha-cypermethrin 300g/l + Chlorpyrifos Ethyl 400g/l	Light 700EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH TM SX GNC
34	Alpha-cypermethrin 50g/l + Chlorpyrifos Ethyl 520g/l	Marvel 570EC	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Thuốc BVTV Mekong
35	Alpha-cypermethrin 40g/l (40g/l), (40g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 400g/l (410g/l), (437g/l) + Dimethoate 226g/l, (297g/l), (300g/l)	Bowing 666EC, 747EC, 777EC	666EC: Sâu đục thân/ngô 747EC: rệp sáp/cà phê 777EC: sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
36	Alpha-cypermethrin 50g/l	Agritoc 550EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao

	+ Chlorpyrifos Ethyl 482g/l + Emamectin benzoate 18g/l		Filitox super 550EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Thuốc BVTV USA Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
37	Alpha-cypermethrin 40g/l, (40g/l), (40g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 400g/l, (410g/l), (420g/l) + Fenobucarb 210g/l, (250g/l), (260g/l)		Rocketasia 650EC, 700EC, 720EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
38	Alpha-cypermethrin 55g/l + Chlorpyrifos ethyl 300g/l + Fenobucarb 311g/l		Pictoc 666EC	Sâu cuốn lá/Lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
39	Alpha-cypermethrin 30g/l (25g/l), (60g/kg) + Chlorpyrifos Ethyl 220g/l (565 g/l), (440g/kg) + Imidacloprid 50g/l (5g/l), (100g/kg)		Spaceloft 300EC, 595EC, 600WP	300EC: Bọ trĩ, rầy nâu, nhện gié, sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa; rệp sáp/cà phê 595EC: Sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; mọt đục cành/cà phê 600WP: Rệp sáp, mọt đục cành/ cà phê; rầy nâu, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/lúa	Công ty TNHH An Nông
40	Alpha-cypermethrin 50g/l (50g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 520g/l (545g/l) + Indoxacarb 30g/l (5g/l)		Vitashield gold 600EC	600EC (50g/l + 520g/l + 30g/l): Sâu đục thân, rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp, mọt đục cành/cà phê 600EC (50g/l + 545g/l + 5g/l): Mọt đục cành, rệp sáp/cà phê; nhện gié, sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ phấn/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
41	Alpha-cypermethrin 66g/l + Chlorpyrifos ethyl 400g/l + Quinalphos 200g/l		Picmec 666EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
42	Alpha-cypermethrin 50g/l + Chlorpyrifos Ethyl 550g/l + Thiamethoxam 30 g/l		Hiddink 630EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
43	Beta-cypermethrin 70g/l + Chlorpyrifos ethyl 480g/l		Superfos 550EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
44	Beta-cypermethrin 36g/l + Chlorpyrifos ethyl 425g/l + Quinalphos 205g/l		Wofamec 666EC	Sâu đục thân/ lúa	Công ty CP QT Hòa Bình
45	Buprofezin 100 g/l + Chlorpyrifos Ethyl 500g/l		Nanofos 600EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Nam Nông Phát
46	Buprofezin 10% + Chlorpyrifos Ethyl 40%		Abm 50EC	rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
47	Buprofezin 100g/l (100g/kg) + Chlorpyrifos		Penalty gold 50EC, 50WP	50EC: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, rầy nâu, bọ trĩ, bọ xít, sâu đục thân, nhện gié, rầy phấn	Công ty TNHH ADC

	Ethyl 400g/l (400g/kg)		trắng/lúa; rệp sáp, mọt đục cành/cà phê 50WP: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, rầy nâu/ lúa	
48	Buprofezin 100 g/l + Chlorpyrifos Ethyl 450g/l	Proact 555EC	sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; sâu đục quả, rệp muội/đậu tọng; sâu đục quả, mọt đục cành/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
49	Buprofezin 100g/l + Chlorpyrifos Ethyl 400g/l	Bonus-gold 500EC	rầy nâu, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Nicotex
50	Buprofezin 100g/l (150g/l), (150g/l), (150g/l) + Chlorpyrifos ethyl 400g/l (500g/l), (550g/l), (600g/l)	B52-Usa 500EC, 650EC, 700EC, 750EC	500EC: Sâu cuốn lá/ lúa 650EC: Rầy nâu/lúa 700EC: Sâu đục thân/lúa 750EC: Rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Nông nghiệp Đại Nam
51	Buprofezin 25% (150g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 5% (400g/l)	U30-Thôn trang 30WP, 55EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
52	Buprofezin 250g/l + Chlorpyrifos ethyl 450g/l	Towtoc 700EC	rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
53	Buprofezin 280g/kg, (100g/kg), (300g/kg), (250g/l), (250g/l) + Chlorpyrifos ethyl 300g/kg (400g/kg), (300g/kg), (400g/l), (510g/l) + Dinotefuran 15g/kg (100g/kg), (25g/kg), (16g/l), (17g/l)	Dragoncin 595WP, 600WP, 625WP, 666EC, 777EC	595WP, 625WP: Rầy nâu/lúa 666EC: Rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa 777EC, 600WP: rệp sáp/cà phê, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
54	Buprofezin 150g/l + Chlorpyrifos Ethyl 350g/l + Dinotefuran 200g/l	Nanosynusa 700EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
55	Buprofezin 100g/l + Chlorpyrifos Ethyl 400g/l + Fenobucarb 200g/l	Nanora super 700EC	rầy nâu, sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp giá/cà phê	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
56	Buprofezin 120g/l + Chlorpyrifos Ethyl 480g/l + Fipronil 35g/l	Saguaro 635EC	rầy nâu/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
		Winter 635EC	rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy phấn trắng, nhện gié/lúa	Công ty TNHH ADC
57	Buprofezin 200g/kg (90g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 50g/kg (400g/l) + Imidacloprid 200g/kg (10g/l)	Bamper 450WP, 500EC	450WP: Rầy nâu/lúa 500EC: Sâu đục thân, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Nông nghiệp Việt Thành
58	Buprofezin 100 g/l + Chlorpyrifos Ethyl 450g/l + Imidacloprid 50g/l	Clacostusa 600EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

59	Buprofezin 200g/kg (150g/kg) + Chlorpyrifos Ethyl 300g/kg (400g/kg) + Imidacloprid 100g/kg (150g/kg)	Himlam 600WP, 700WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
60	Buprofezin 400 g/kg + Chlorpyrifos Ethyl 300g/kg + Imidacloprid 40g/kg	Federo 740WP	Rầy nâu/ lúa	Eastchem Co., Ltd
61	Buprofezin 22% + Chlorpyrifos Ethyl 5% + Imidacloprid 3%	Maraton 30EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
62	Buprofezin 90g/l (120g/l), (300g/kg) + Chlorpyrifos ethyl 300g/l (460g/l) (400g/kg) + Lambda-cyhalothrin 30g/l (20g/l), (50g/kg)	Topple 420EC, 600EC, 750WP	420EC: Sâu đục thân/ lúa 600EC: Rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục thân/lúa 750WP: Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
63	Buprofezin 100g/kg (160g/kg), (160g/kg) + Chlorpyrifos ethyl 200g/kg (206g/kg) (210g/kg) + Pymetrozine 300g/kg (320g/kg), (330g/kg)	Tresbacmy 600WP, 686WG, 700WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP TM và Đầu tư Bắc Mỹ
64	Buprofezin 100g/l + Chlorpyrifos ethyl 400g/l + Permethrin 100g/l	Supergun 600EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
65	Carbosulfan 200 g/l + Chlorpyrifos Ethyl 400g/l	Bop 600EC	mọt đục cành, rệp sáp/ cà phê; sâu đục thân/lúa; sâu đục cành, sâu đục thân/điều	Công ty TNHH ADC
66	Carbosulfan 200 g/l + Chlorpyrifos ethyl 300g/l	Sappro 500EC	rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Trại Thịnh
67	Chlorfluazuron 10% + Chlorpyrifos Ethyl 16%	Bn-samix 26EC	Sâu cuốn lá, nhện gié, sâu phao đục bẹ, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Bảo Nông Việt
68	Chlorfluazuron 150g/kg (100g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 200g/kg (460g/l) + Fipronil 250g/kg (40g/l)	Kampon 600WP, 600EC	600WP: sâu đục thân/lúa 600EC: rầy nâu/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
69	Chlorfluazuron 100g/l + Chlorpyrifos Ethyl 200g/l + Fipronil 100g/l	Akief 400EC	Sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu phao, sâu đục thân/lúa, rệp sáp/cà phê; sâu xanh/ lạc	Công ty TNHH TM Thái Nông
70	Chlorpyrifos Ethyl (min 94 %)	Acetox 40EC	Sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/lạc; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Trại Thịnh
		Alocbale đục thân/lúa 40EC	sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá, sâu	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
		Anboom 40EC, 48EC	40EC: rệp sáp/ cà phê, mối/điều; sâu đục ngọn/ điều; rệp sáp/ sắn	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời

	48EC: Một đực cành/cà phê, sâu đực ngọn/điều, sâu cuốn lá, bọ phấn trắng/lúa, rệp sáp/ca cao, hồ tiêu; sâu đực quả/ ca cao; rệp sáp/ cà phê, sắn; rệp bông xo trắng/ mía; sâu năn/ lúa		
Arusa 480EC	rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH TM Thái Nông	
Bonus 40 EC	rệp sáp/cà phê, sâu đực thân/ lúa	Công ty CP Nicotex	
Bullet 48 EC	sâu khoang/ lạc, rệp sáp/ cà phê	Imaspro Resources Sdn Bhd	
Chlorban 20 EC, 48EC	20EC: sâu cuốn lá/ lúa 48EC: rệp sáp/ cà phê; sâu xanh/ bông vải; sâu xanh da láng/ đậu tọng; rệp sáp/hồ tiêu	Công ty TNHH UPL Việt Nam	
Forfox 5GR, 250EC, 400EC, 650EC	5GR: Sâu xám, sâu đực thân/ngô 250EC, 400EC: sâu khoang/ lạc 650EC: rệp sáp giả/ cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng	
Genotox 48EC, 55.5EC	48EC: sâu xanh da láng/ đậu tọng 55.5EC: sâu đực bẹ, sâu cuốn lá, sâu đực thân, rầy nâu/ lúa; sâu xanh/ lạc, đậu tọng; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH CN KH Mùa màng Anh Rê	
Hoban 30EC, 500EC	30EC: sâu xanh da láng/ lạc, sâu đực thân/lúa, rệp sáp/ cà phê 500EC: bọ xít muỗi/điều, sâu xanh da láng/lạc, sâu đực thân/lúa, một đực cành/cà phê	Công ty CP Hóc Môn	
Lora 10GR	Sâu đực thân/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng	
Lorsban 15GR, 30EC, 40EC, 75WG	15GR: sâu đực thân lúa; sâu đực thân, sâu đực bắp/ ngô 30EC: sâu đực thân/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tọng, lạc; rệp sáp/ cà phê 40EC: mối/ cao su, hồ tiêu; rệp sáp/ cà phê 75WG: sâu đực thân/ lúa	Dow AgroSciences B.V	
Mapy 48 EC	rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu; sâu xanh/ đậu tọng; sâu đực thân/ ngô, một đực cành/cà phê; sâu đực thân/lúa; một đực quả/cà phê; bọ hung, xén tóc/mía	Map Pacific PTE Ltd	
Maryfos 680EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Ô tô Việt	

		Thắng
Maxfos 50 EC	rệp sáp/ cà phê, sâu khoang/ lạc, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
Medomor 40EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Asiagro Pacific Ltd
Minifos 480EC	rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH MTV SNY
Mondeo 40EC, 60EC	40EC: sâu đục thân/ lúa, sâu khoang/ lạc 60EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH TM Anh Thơ
Noviphos 48EC	rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Nông Việt
Nycap 15GR, 48EC	15GR: rệp sáp rế/ cà phê 48EC: sâu đục quả/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê; sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa; sâu đục bắp/ ngô; mối/ hồ tiêu; sâu đục dây/khoai lang	Công ty TNHH TM&SX Ngọc Yến
Pictac 800WG	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
Pro-tin 480EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH P - H
Pyrinex 20 EC, 480EC	20EC: sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ lúa; xử lý đất, xử lý hạt giống; rệp sáp/ phê 480EC: sâu xanh/đậu tương; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê; sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Adama Việt Nam
Pyritox 200EC, 400EC, 480EC	200EC, 400EC: sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu đục quả/ đậu xanh; sâu đục hoa/ đậu tương; mọt đục cành/ cà phê 480EC: rệp vảy/ cà phê, sâu phao đục bẹ/ lúa	Công ty TNHH An Nông
Sambar 480EC	Rệp sáp/ cà phê	Công ty CP SAM
Sanpyriphos 20EC, 48EC	20EC: sâu đục thân/ lúa 48EC: sâu khoang/ lạc	Forward International Ltd
Sargent 6GR	sâu đục thân/ lúa, mía; rầy nâu/ lúa; mối, ve sầu/ cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Sieu Sao E 500WP	sâu đục thân, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp/ cà phê; sâu đục quả/ đậu tương	Công ty TNHH Phú Nông
Siriphos 48EC	Sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê, bọ xít muỗi/ điều	Công ty TNHH King Elong

		Termicide 40EC	rệp sáp/ cà phê; sâu đục thân/lúa	Hextar Chemicals Sdn, Bhd
		Tricel 20EC, 48EC	20EC: sâu xanh/ đậu tọng 48EC: bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp giả/cà phê	Excel Crop Care Limited
		Tipho-sieu 15GR, 400EC	15GR: Sâu đục thân/ lúa 400EC: sâu cuốn lá/ đậu tọng; rệp sáp, mọt đục cành / cà phê, sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Virofos 20EC, 50EC	20EC: sâu xanh da láng/ đậu tọng; mối/ cao su, cà phê 50EC: Sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/ lúa; rệp sáp/ cà phê; bọ xít muỗi/điều	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Vitashield 18EC, 40EC	18EC: sâu đục thân/ lúa 40EC: rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
71	Chlorpyrifos ethyl 350g/kg + Clothianidin 150g/kg + Thiamethoxam 100g/kg	Killray TSC 600WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
72	Chlorpyrifos Ethyl 250g/l, (450g/l), (550g/l) + Cypermethrin 25g/l, (50g/l), (200g/l)	Stopinsect 275EC, 500EC, 750EC	275EC: sâu đục bẹ/ lúa 500EC: Sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu đục ngọn/ điều, bọ hà/khoai lang, sâu đục quả/cà phê 750EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa, bọ hà/khoai lang	Công ty CP Nông dược Agriking
73	Chlorpyrifos Ethyl 250g/l + Cypermethrin 25g/l	Nurelle D 25/2.5 EC	sâu đục thân, sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh/ bông vải; sâu khoang/lạc; rệp sáp/cà phê	Dow AgroSciences B.V
74	Chlorpyrifos Ethyl 42% (515g/l), (505g/l), (510g/l) + Cypermethrin 8% (80g/l), 200g/l), (250g/l)	Triceny 50EC, 595EC, 705EC, 760EC	50EC: sâu đục quả/ đậu tọng; sâu phao đục bẹ, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê 595EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục bẹ/ lúa; rệp sáp/ cà phê 705EC: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa; rệp sáp/cà phê 760EC: Sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
75	Chlorpyrifos Ethyl 35% (50%), (550g/l)+ Cypermethrin 5% (10%), (150g/l)	Docytox 40EC, 60EC, 700EC	40EC: sâu đục thân/ ngô 60EC: sâu cuốn lá/ lúa, rệp sáp/cà phê 700EC: rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hóa

76	Chlorpyrifos Ethyl 400g/l (580g/l) + Cypermethrin 50g/l (100g/l)	Aseld 450EC, 680EC	450EC: rệp sáp/ cà phê, sâu xanh/ lạc 680EC: rệp sáp/ cà phê, sâu xanh/ lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
77	Chlorpyrifos Ethyl 459g/l (530g/l) + 45.9g/l (50g/l) Cypermethrin	Subside 505EC, 585EC	505EC: bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp sáp, mọt đục cành, sâu đục quả/ cà phê 585EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM ACP
78	Chlorpyrifos Ethyl 45.9% + Cypermethrin 4.59%	Bintang 50.49EC	Sâu đục thân/ lúa, rệp sáp/cà phê	Hextar Chemicals Sdn. Bhd.
79	Chlorpyrifos Ethyl 45g/l (100g/l), (200g/l), (400g/kg), (500g/l), (600g/l) + Cypermethrin 50g/l (100g/l), (200g/l), (50g/kg), (60g/l), (60g/l)	Cadicone 95EC, 200EC, 400EC, 450WP, 560EC, 660EC	95EC: Bọ trĩ/ lúa 200EC, 400EC: Sâu cuốn lá/ lúa 560EC, 450WP: Sâu đục thân/ lúa 660EC: Sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
80	Chlorpyrifos Ethyl 25% (50%), (55%) + Cypermethrin 5% (5%), (5%)	Tungcydan 30EC, 55EC, 60EC	30EC: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu xanh da láng, dòi đục lá/ đậu xanh; sâu róm/ điều; bọ trĩ, sâu đục ngọn/ thuốc lá; rệp sáp/ cà phê; sâu đục thân/ngô 55EC: sâu xanh da láng/ đậu xanh; bọ trĩ/ thuốc lá; sâu đục thân/ ngô; sâu róm, sâu đục thân/ điều; sâu đục thân, sâu cuốn lá, sâu phao, sâu đục bẹ, bọ trĩ, bọ xít, nhện gié, rầy nâu/ lúa; mọt đục cành, sâu đục thân, rệp sáp/ cà phê 60EC: rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp/ cà phê; mọt đục cành/ cà phê; sâu ăn lá/ khoai lang; sâu đục quả/ đậu tương; sâu xanh da láng/ đậu xanh; sâu đục thân, bọ xít muỗi/ điều; rệp sáp, rệp muội/ hồ tiêu	Công ty CP SX-TM-DV Ngọc Tùng
81	Chlorpyrifos Ethyl 250g/l (530g/l) + Cypermethrin 50g/l (55g/l)	Victory 300EC, 585EC	300EC: Rệp/ mía 585EC: Rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; rệp sáp, mọt đục cành /cà phê; châu chấu tre lợng vàng/ ngô, tre	Công ty CP BVTV I TW
82	Chlorpyrifos Ethyl 50% + Cypermethrin 5%	Clothion 55EC	sâu đục quả/ đậu tương, sâu róm/ điều, rệp sáp/ cà phê, sâu xanh da láng/ lạc, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa, mối/ hồ tiêu; mọt đục cành/cà phê, rầy nâu/lúa	Công ty CP Thanh Điền
83	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l +	God	rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu phao đục bẹ/ lúa; rệp	Công ty TNHH Phú Nông

	Cypermethrin 50g/l	550EC	sáp/ cà phê; sâu đục quả/ đậu tọng	
		Co-cyfos 550EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Baconco
		Bidiphote 550EC	Nhện gié/ lúa	Công ty CP SAM
		Supraxong 550EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Đầu tị VTNN Sài Gòn
		Trusul 550EC	Sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục thân/lúa; sâu đục thân/ngô	Công ty TNHH VT BVTV Phụng Mai
		Vanguard 550EC	Sâu đục bẹ/lúa, rệp sáp/ hồ tiêu	Công ty TNHH Thuốc BVTV MeKong
		Wusso 550EC	Rầy nâu/ lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH BMC
84	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l (550g/l) + Cypermethrin 50g/l (200g/l)	Lion super 550EC, 750EC	550EC: Sâu đục thân/ lúa 750EC: Rầy nâu, sâu đục bẹ/ lúa	Công ty TNHH P-H
85	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l (500g/l), (500g/l), (500g/l) + Cypermethrin 50 g/l (85g/l), (100g/l), (277g/l)	Serpal super 550EC, 585EC, 600EC, 777EC	550EC: Rầy nâu, sâu đục bẹ/ lúa 585EC: Rệp sáp/ cà phê, rầy nâu/ lúa 600EC: Rệp sáp/ cà phê; rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa 777EC: Rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
86	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l (550g/l), (560g/l) + Cypermethrin 200g/l (227g/l), (239g/l)	Đại Bàng Đỏ 700EC, 777EC, 799EC	700EC: sâu đục bẹ, rầy nâu/ lúa 777EC: rầy nâu/ lúa 799EC: Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
87	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l (500g/l), (500g/l), (500g/l), (500g/l), (650 g/l), (650g/l), (650g/l) + Cypermethrin 55g/l (105), (150g/l), (205g/l), (250g/l), (130g/l) (150g/l), (200g/l)	Pertrang 55.5EC, 605EC, 650EC, 705EC, 750EC, 780EC, 800EC, 850EC	55.5EC: sâu đục thân/ ngô 605EC, 650EC, 705EC, 750EC: sâu đục bẹ/lúa 780EC, 800EC, 850EC: Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
88	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l (500g/kg) + Cypermethrin 200g/l (200g/kg)	Tadagon 700EC, 700WP	700EC: Rầy nâu, sâu keo, sâu phao, sâu keo, rầy lộng trắng/lúa; rệp sáp/cà phê; sâu đục ngọn/điều; sâu đục quả/đậu tọng 700WP: Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH - TM Tân Thành
89	Chlorpyrifos Ethyl 530g/l (590g/l) + Cypermethrin 55g/l (110g/l)	Dragoannong 585EC, 700EC	585EC: Bọ xít muỗi/ điều; rệp sáp/ cà phê; sâu đục thân, sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ, rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; sâu khoang/ đậu xanh 700EC: Sâu xanh da láng/ đậu xanh; rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện	Công ty TNHH An Nông

			gié/ lúa; rệp sáp/ cà phê	
90	Chlorpyrifos Ethyl 530g/l + Cypermethrin 50 g/l	Ogau 580EC	Sâu đục thân/ lúa; rệp sáp/cà phê, điều	Công ty CP Nông nghiệp HP
91	Chlorpyrifos Ethyl 530g/l + Cypermethrin 55 g/l	Ca - hero 585EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
		Dragon 585 EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa cạn; rệp sáp/ cà phê; sâu xanh da láng/ lạc; rầy nâu/ lúa	Imaspro Resources Sdn Bhd
		Sairifos 585EC	Rầy nâu nhỏ, rầy lợng trắng, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; rệp sáp/ cà phê; sâu đục thân/ ngô	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Tigishield 585EC	Rầy nâu/ lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Vật t _o NN Tiền Giang
92	Chlorpyrifos Ethyl 530g/l, (500 g/l) + Cypermethrin 55g/l (100 g/l)	Wavotox 585EC, 600 EC	585EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa; sâu khoang/ lạc, rệp sáp/ cà phê 600EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục thân/ lúa; rệp sáp/ cà phê; sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH Việt Thắng
93	Chlorpyrifos Ethyl 50% + Cypermethrin 5%	Uni-dowslin 55EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
94	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Cypermethrin 60g/l	Rầy usa 560EC	Rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Hoá sinh Phong Phú
95	Chlorpyrifos Ethyl 55% + Cypermethrin 5%	Daiethylfos 60EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Futai
96	Chlorpyrifos Ethyl 550g/l + Cypermethrin 50g/l	F16 600EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu năn/lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH TM DV Tấn H _o ng
		Jia-cyfos 600EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
97	Chlorpyrifos Ethyl 55% + Cypermethrin 15%	Laxytox 70EC	Rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
98	Chlorpyrifos ethyl 450g/l + Cypermethrin 50g/l	Jubilant 500EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nông d _o ng HAI Quy Nhơn
99	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Cypermethrin 100g/l	Fotoc 600EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
100	Chlorpyrifos Ethyl 600g/l + Cypermethrin 50g/l	Inip 650EC	Bọ trĩ/lúa, rệp sáp/hồ tiêu	Công ty TNHH Anh Dầu Tiền Giang
101	Chlorpyrifos Ethyl 500g/kg + Cypermethrin 150g/kg	T-P Boshi 650EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong

102	Chlorpyrifos ethyl 550g/l + Cypermethrin 100g/l	HD-Alzozin 650EC	sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH TM DV Hằng Duy
103	Chlorpyrifos ethyl 550g/l + Cypermethrin 55g/l	Domectin 605EC	sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/hồ tiêu, cà phê	PT. Sari Kresna Kimia
104	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Cypermethrin 200g/l	Cáo sa mạc 700EC	Sâu đục bẹ/ lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Cánh Đồng Việt VN
105	Chlorpyrifos Ethyl 600g/l + Cypermethrin 100g/l	Penny 700EC	rầy nâu, sâu năn/lúa; rệp sáp/ hồ tiêu, bộ trĩ/ điều, sâu đục thân/ ngô, mọt đục cành/ cà phê	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
106	Chlorpyrifos Ethyl 550g/l + Cypermethrin 150g/l	Ekar 700EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Delta Cropcare
107	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Cypermethrin 50g/l + Eamectin benzoate 10g/l	Acgoldfly 560EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
108	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Cypermethrin 50 g/l + Fenpropathrin 100 g/l	Rago 650EC	Rầy nâu, nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Hóc Môn
109	Chlorpyrifos ethyl 575g/l + Cypermethrin 100g/l + Fipronil 20g/l	Overagon 695EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK. Thọ Khang
110	Chlorpyrifos Ethyl 400g/l + Cypermethrin 155g/l+ Imidacloprid 50g/l	Snatousamy 605EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
111	Chlorpyrifos Ethyl 400g/l + Cypermethrin 150g/l + Imidacloprid 50g/l	Andotox 600EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Nông được Hoàng Ân
112	Chlorpyrifos Ethyl 550g/l + Cypermethrin 150g/l + Indoxacarb 60g/l	Pumgold 760EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
113	Chlorpyrifos Ethyl 530g/l + Cypermethrin 120g/l + Lufenuron 50g/l	Volz 700EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
114	Chlorpyrifos Ethyl 30g/kg (10g/l), (10g/l), (100g/kg), 100g/l, (5g/l), (600g/l) + Cypermethrin 10g/kg (30g/l), (150g/l), (25g/kg), (25g/l), (40g/l), (40g/l)+ Phoxim 20g/kg (55g/l), (40g/l), (100g/kg), (10g/l), (400g/l), (26g/l)	Cygold 60GR, 95EC, 200EC, 225WP, 225EC, 445EC, 666EC	60GR, 445EC, 666EC: Sâu đục thân/ lúa 95EC: Bộ trĩ/ lúa 200EC: Sâu cuốn lá/ lúa 225EC: rệp sáp/ cà phê 225WP: Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
115	Chlorpyrifos Ethyl 370g/l + Cypermethrin 96g/l + Quinalphos 200g/l	Sanafos 666EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
116	Chlorpyrifos Ethyl 425g/l + Deltamethrin 36g/l +	Diophos 666EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa

	Quinalphos 205g/l			Bình
117	Chlorpyrifos Ethyl 370g/l + Dimethoat 185g/l	Cantona 555EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
118	Chlorpyrifos Ethyl 350 g/l + Dinotefuran 150 g/l	Dorifos 500EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
119	Chlorpyrifos Ethyl 400g/kg + Dinotefuran 150g/kg	Hbousa 550WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
120	Chlorpyrifos Ethyl 550g/l + Emamectin benzoate 50g/l	Wince 600EC	sâu đục thân/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
121	Chlorpyrifos Ethyl 300g/l + Emamectin benzoate 25g/l + Fenobucarb 341 g/l	Japenra 666EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
122	Chlorpyrifos Ethyl 512g/l + Emamectin benzoate 18g/l + Lambda-cyhalothrin 25g/l	Fiphos 555EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Goldphos 555EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Rockest 555EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
123	Chlorpyrifos Ethyl 400g/l + Etofenprox 200g/l	Godsuper 600EC	Rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
124	Chlorpyrifos Ethyl 3% + Fenobucarb 2%	Visa 5 GR	sâu đục thân, rầy nâu, sâu đục bẹ/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
125	Chlorpyrifos Ethyl 250g/l + Fenobucarb 300g/l	Rockfos 550EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
126	Chlorpyrifos Ethyl 200g/l (250g/l) + Fenobucarb 400g/l (500g/l)	Babsac 600EC, 750EC	600EC: Sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; rệp muội/ cà phê; sâu róm/ điều 750EC: Sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; rệp muội/ cà phê; sâu róm/ điều; châu chấu tre lọng vàng/tre, ngô	Công ty TNHH Việt Thắng
127	Chlorpyrifos Ethyl 350g/l + Fenobucarb 300g/l	Fenfes 650EC	Mọt đục cành/cà phê; bọ trĩ/thuốc lá; sâu róm/điều; sâu đục thân, sâu keo, bọ xít dài, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê, sâu đục quả/đậu xanh	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
128	Chlorpyrifos ethyl 550g/l + Fenobucarb 100g/l	Redphos 650EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ PTKT và chuyển giao công nghệ
129	Chlorpyrifos Ethyl 200g/l + Fenobucarb 350g/l	Super Kill Plus 550EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
130	Chlorpyrifos Ethyl 280g/l + Fenobucarb 306g/l +	Sucotoc 666EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa

	Imidacloprid 80g/l			Bình
131	Chlorpyrifos Ethyl 300g/l + Fenobucarb 400 g/l + Fipronil 50g/l	Ansaoser 750EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP XNK Nông dợc Hoàng Ân
132	Chlorpyrifos Ethyl 300g/l + Fenobucarb 340g/l + 26g/l Lambda-cyhalothrin	Dratoc 666EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty Cổ phần Quốc tế Hòa Bình
133	Chlorpyrifos ethyl 10g/l + Fenobucarb 480g/l + Phenthoate 300g/l	Anhosan 790EC	Sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/ lúa	Công ty CP XNK Nông dợc Hoàng Ân
134	Chlorpyrifos Ethyl 28.5g/kg (300g/kg) + Fipronil 1.5g/kg (30g/kg)	Wellof 3GR, 330EC	3GR: Rầy nâu/lúa; rệp sáp rể/ hồ tiêu, cà phê; bọ hà/ khoai lang; sâu đục thân/ ngô, mía 330EC: Sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/ lúa; rệp sáp, mọt đục quả, mọt đục cành/ cà phê; bọ xít muỗi/điều; mối/tiêu;sâu xám/ngô	Công ty CP Nông dợc HAI
135	Chlorpyrifos Ethyl 545g/l + Fipronil 50g/l	Megaphos 595EC	Sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Nông dợc Nhật Việt
136	Chlorpyrifos Ethyl 200g/l + Imidacloprid 20g/l	Fidur 220EC	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
137	Chlorpyrifos Ethyl 4% (56%), (200g/l) + Imidacloprid 1% (10%), (50g/l)	Losmine 5GR, 66WP, 250EC	5GR: rệp sáp/ hồ tiêu, rầy nâu/lúa, sâu đục thân/lúa; ve sầu, mối/ cà phê 66WP: sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục thân/lúa; rệp sáp/cà phê 250EC: bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp sáp/ cà phê; sâu đục thân/ ngô; sâu đục quả/ bông vải	Công ty CP Đồng Xanh
138	Chlorpyrifos Ethyl 200g/l (450g/l), (450g/kg) + Imidacloprid 50g/l (150g/l), (150g/kg)	Pro-per 250 EC, 600EC, 600WP	250EC: sâu cuốn lá/ lúa 600EC, 600WP: rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
139	Chlorpyrifos Ethyl 200g/l (420g/kg), (570g/l) + Imidacloprid 50g/l (57.77g/kg), (25g/l)	Usagrado 250EC, 477.77WP, 595 EC	250EC: sâu cuốn lá/ lúa 477.77WP: Sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, sâu năn/ lúa 595EC: Sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/ lúa; rệp sáp/ cà phê; sâu xanh da láng/đậu xanh	Công ty TNHH An Nông
140	Chlorpyrifos Ethyl 480g/l + Imidacloprid 70g/l	Dizorin super 55EC	rầy nâu, sâu cuốn lá, rầy lợng trắng/lúa; rệp sáp/hồ tiêu, cà phê	Công ty TNHH - TM Tân Thành
141	Chlorpyrifos Ethyl 300g/l + Imidacloprid 50g/l	Imchlorad 350EC	sâu cuốn lá/ lúa, rệp sáp/ hồ tiêu	Công ty CP Bình Điền Mê Kông
142	Chlorpyrifos Ethyl 480g/l +	Duca 500EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp

	Imidacloprid 20g/l			Việt Nam
143	Chlorpyrifos Ethyl 5% (45%), (480g/l) + Imidacloprid 7% (20%), (120g/l)	Repny 12GR, 65WP, 600EC	12GR: sâu đục thân/ lúa 65WP: rệp sáp/ cà phê, sâu đục bẹ, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa 600EC: Sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
144	Chlorpyrifos Ethyl 490g/l + Imidacloprid 105 g/l	Osakajapane 595EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
145	Chlorpyrifos Ethyl 400g/l + Imidacloprid 50g/l	Topol 450EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH hóa chất NN Quốc tế
146	Chlorpyrifos ethyl 500g/kg + Imidacloprid 150 g/kg	Raymore 650WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
147	Chlorpyrifos Ethyl 400g/kg + Imidacloprid 110g/kg + Lambda-cyhalothrin 45g/kg	Ragonmy 555WP	Rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Lan Anh
148	Chlorpyrifos ethyl 556g/l + Fipronil 75g/l + Lambda-cyhalothrin 35g/l	Fivtoc 666EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
149	Chlorpyrifos Ethyl 500g/kg + Imidacloprid 100g/kg + Lambda-cyhalothrin 30g/kg	Caster 630WP	Rầy nâu, bọ trĩ/lúa; rệp sáp, một đục cành/ cà phê	Công ty TNHH TM DV Tấn Hq ng
		Forter 630WP	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Điền Thạnh
150	Chlorpyrifos ethyl 220g/l (524g/l) + Imidacloprid 40g/l (40.5g/l) + Lambda-cyhalothrin 50g/l (30.5g/l)	Sory 310EC, 595EC	310EC: Sâu đục thân/ lúa 595EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/lúa	Công ty TNHH An Nông
151	Chlorpyrifos ethyl 675g/l + Indoxacarb 25g/l	Indophos 700EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
152	Chlorpyrifos Ethyl 235g/l (475g/l) + Lambda-cyhalothrin 15g/l (25g/l)	Monofos 250EC, 500EC	sâu đục thân, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa, sâu khoang/ lạc	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
153	Chlorpyrifos Ethyl 240g/l (480g/l) + Lambda-cyhalothrin 10g/l (20g/l)	Pyrifdaaic 250EC, 500EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
154	Chlorpyrifos Ethyl 450g/l + Lambda-cyhalothrin 50g/l	Endo-gold 500EC	rầy nâu, sâu đục bẹ/lúa; sâu khoang/lạc, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
155	Chlorpyrifos Ethyl 475g/l + Lambda-cyhalothrin 25g/l	Chlorphos 500EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
156	Chlorpyrifos Ethyl 580g/l + Lambda-cyhalothrin 20g/l	Centerfly 600EC	Sâu đục bẹ/ lúa	Công ty TNHH SX & NK Bàn Tay Việt
157	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Lambda-cyhalothrin 100g/l	Disulfan 600EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành

158	Chlorpyrifos Ethyl 425g/l + Lambda-cyhalothrin 25g/l	Pros 450EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Trờng Thịnh
159	Chlorpyrifos Ethyl 425g/l + Lambda-cyhalothrin 36g/l + Quinalphos 205g/l	ShepemeC 666EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
160	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Permethrin 85g/l	Dagronindia 585EC	Sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Newmethrin 585EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang
161	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Permethrin 100g/l	Cabatox 600EC	bọ trĩ, nhện gié/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
162	Chlorpyrifos Ethyl 600g/l + Permethrin 50g/l	Novas super 650EC	sâu xanh da láng/ đậu tợ; rầy nâu, sâu đục thân/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Nông Việt
163	Chlorpyrifos Ethyl 50g/kg, (100g/kg), (500g/l), (500g/kg) + Permethrin 10g/kg, (20g/kg), (100g/l), (100g/kg)	Tasodant 6GR, 12GR, 600EC, 600WP	6GR: rầy nâu, sâu đục thân/ lúa; rệp sáp, ve sầu, mối/ cà phê 12GR: sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; sùng đất, rệp sáp, ve sầu/ cà phê, mối/ cà phê 600WP: sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; rệp sáp/ cà phê 600EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH ADC
164	Chlorpyrifos Ethyl 400g/kg + Pymetrozine 250g/kg	Big one 650WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang
165	Chlorpyrifos Ethyl 300g/kg + Pymetrozine 120g/kg	Map arrow 420WP	rầy nâu, rầy nâu nhỏ, nhện gié/lúa; rệp sáp/cà phê	Map Pacific Pte Ltd
166	Chlorpyrifos ethyl 300g/kg + Pymetrozine 200g/kg	Plattino 500WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP NN HP
167	Chlorpyrifos Ethyl 10g/kg (50g/kg), (50g/kg), (400g/kg) (500g/l) + Pymetrozine 490g/kg (500g/kg), (550g/kg), (250g/kg), (166g/l)	Schesyntop 500WG, 550WG, 600WG, 650WP, 666EC	500WG, 550WG, 600WG, 650WP, 666EC: rầy nâu/lúa 666EC: rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
168	Chlorpyrifos ethyl 500g/kg + Pymetrozine 100g/kg	Pymphos 600WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
169	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Pyriproxyfen 100g/l	Palace 600EC	rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
170	Chlorpyrifos ethyl 375g/l + Sulfoxaflor 37.5g/l	Laser 412.5 SE	Sâu đục thân/ lúa	Dow AgroSciences B.V
171	Chlorpyrifos Ethyl 250g/l +	Dago 400SE	rầy nâu/ lúa	Công ty CP SX TM và DV

	Thiamethoxam 150g/l			Ngọc Tùng
172	Chlorpyrifos Ethyl 500g/kg + Thiamethoxam 125g/kg	Scheccusa 625EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

2. Thuốc trừ mối

1	Chlorpyrifos Ethyl (min 94 %)	Fugosin 500EC	mối/ công trình xây dựng	Công ty CP Hatashi Việt Nam
		Lenfos 50 EC	mối/ công trình xây dựng	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Landguard 40EC	mối/công trình xây dựng	Imaspro Resources Sdn Bhd
		MAP Sedan 48EC	mối/ công trình xây dựng	Map Pacific Pte Ltd
		Termifos 500EC	mối/ công trình xây dựng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

2. Danh sách các thuốc bảo vệ thực vật chứa hoạt chất Fipronil

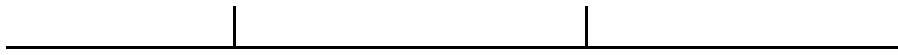
TT	TÊN HOẠT CHẤT- NGUYÊN LIỆU (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (CROP/PEST)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
1. Thuốc trừ sâu				
1	Abamectin 15g/l (5g/l), (55g/l), (5g/l), (75g/l), (100g/kg), (100g/kg) + Deltamethrin 15g/l (105g/l), (75g/l), (140g/l), (100g/l), (165g/l), (150g/kg), (50g/kg), (50g/kg) + Fipronil 45g/l (120g/l), (120g/l), (143g/l), (145g/l), (618g/kg), (600g/kg)	Thiocron 75EC, 230SC, 250EC, 288SC, 320EC, 768WG, 810WG	75EC, 320EC, 810WG: sâu cuốn lá/ lúa 230SC: nhện gié/ lúa; sâu cuốn lá/lúa 250EC, 768WG: Sâu đục thân/ lúa 288SC: nhện gié/ lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
2	Abamectin 28g/l + Fipronil 30g/l	Nanizza 58EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
3	Abamectin 0.1g/kg, (5g/l), (2g/kg) + Fipronil 2.9g/kg, (50g/l), (798g/kg)	Michigane 3GR, 55SC, 800WG	3GR, 800WG: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa 55SC: sâu khoang/ lạc	Cali - Parimex Inc.
4	Abamectin 17.5g/l (35g/l) + Fipronil 0.5g/l (1g/l)	Scorpion 18 EC, 36EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; dòi đục lá/ đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ đậu xanh; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông; bọ trĩ/ điều	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
5	Abamectin 15 g/l + Fipronil 45g/l + Lambda-cyhalothrin 15g/l	Calitoc 75EC	sâu cuốn lá/ lúa	Call - Parimex. Inc.

6	Acetamiprid 5% + Fipronil 5%	Supper Chipusa 10EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH BVTV An Hoàng Phát
7	Acetamiprid 0.1g/kg, (0.2g/l), (20g/kg) + Fipronil 2.9 g/kg, (49.8g/l) (780g/kg)	Dogent 3GR, 50SC, 800WG	3GR, 50SC, 800WG: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa 3GR: sâu khoang/ lạc 50SC: rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
8	Acetamiprid 5g/l (10g/kg), (280g/kg), (100g/kg), (20g/kg) + Fipronil 10g/l (20g/kg), (20g/kg), (300g/kg), (800g/kg)	Redpolo 15EC, 30WP, 300WP, 400WG, 820WG	15EC, 30WP, 820WG: sâu cuốn lá/ lúa 300WP: rầy nâu/ lúa 400WG: sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
9	Acetamiprid 50g/l + Fipronil 50g/l	Amibest 100ME	Rầy nâu, sâu đục thân/lúa, rệp sáp giả/cà phê	Công ty TNHH Việt Hoá Nông
10	Alpha-cypermethrin 100g/l (50g/kg) + Chlorfluazuron 10g/l (20g/kg) + Fipronil 50g/l (200g/kg)	Kalou 160EW, 270WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
11	Alpha-cypermethrin 100g/l (150g/kg) + Fipronil 100g/l (300g/kg) + Imidacloprid 150g/l (300g/kg)	Sieublack 350SC, 750WP	350SC: sâu đục bẹ, sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê 750WP: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH An Nông
12	Alpha-cypermethrin 1%, (75g/kg) + Fipronil 9% (150g/kg) + Indoxacarb 20% (75g/kg)	Acmastersuper 30WP, 300SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
13	Buprofezin 250g/kg + Fipronil 50g/kg + Pymetrozine 150g/kg	TVG100 450WG	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất & TM Trần Vũ
14	Buprofenzin 250g/kg + Fipronil 50g/kg	Lugens top 300WP	rệp sáp/ cà phê; bọ xít, bọ trĩ, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
15	Buprofezin 20g/l (125.5g/kg), (20g/kg), (230g/kg) + Fipronil 20g/l (0.5g/kg), (100g/kg), (30g/kg) + Imidacloprid 5g/l (40g/kg), (100g/kg), (500g/kg)	Fidanone 45EW, 166WP, 220WP, 760WG	45EW, 220WP: Sâu cuốn lá/lúa 166WP, 760WG: Rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
16	Carbosulfan 200g/l + Chlorfluazuron 50g/l + Fipronil 50g/l	Sulfaron gold 300EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
17	Cartap hydrochloride 475g/kg + Fipronil 25g/kg	Wofagent 500WP	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
18	Chlorfenapyr 100g/l + Fipronil 100g/l	Force 200SC	sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/ hoa cúc, nhện đỏ/ hoa hồng, sâu xanh da	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Ngọc Lâm



			láng/ lặc	
		Lumina 200SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
19	Chlorfenapyr 100g/l + Fipronil 50g/l	Kun super 150SC	sâu cuốn lá; sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hợng
20	Chlorfluazuron 200 g/kg + Fipronil 350g/kg	Acheck 550WP	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM Thái Nông
21	Chlorfluazuron 200g/l (230g/l), (260g/l), (175g/kg) + Eamectin benzoate 30g/l (30g/l), (40g/l), (40g/kg) + Fipronil 70g/l (90g/l), (100g/l), (300g/kg)	VetuJapane 300SC, 350SC, 400SC, 515WP	300SC: Sâu đục thân/lúa, sâu xanh/ đậu tợng 350SC: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa, sâu xanh/ đậu tợng 400SC: Sâu đục thân/ lúa 515 WP: Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
22	Chlorfluazuron 100g/l + Eamectin benzoate 40g/l + Fipronil 160g/l	Nofet 300EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đầu tợ TM & PT NN ADI
23	Chlorfluazuron 50g/l (100g/l) + Eamectin benzoate 50g/l (120g/l) + Indoxacarb 100g/l (80g/l)	Thadant 200SC, 300EC	200SC: Sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa 300EC: Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Anh Dầu Tiên Giang
24	Chlorfluazuron 150g/l + Fipronil 250g/l	TT Bux 400SC	sâu cuốn lá/lúa; sâu đục thân/ngô, lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Vk.Suking 400EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
25	Chlorfluazuron 150g/l + Fipronil 200g/l	Hero super 350EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang
26	Chlorfluazuron 100g/l + Fipronil 160g/l	Dofachip 260EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Fiplua 260EC	Sâu cuốn lá/lúa; sâu đục quả/đậu tợng	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
		Luckystar 260EC	Sâu năn, nhện gié, sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ xít/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Request 260EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Zumon super 260EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
27	Chlorfluazuron 100g/l + Fipronil 175g/l	Usamec 275EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
28	Chlorfluazuron 0.2g/kg, (100g/l), (200g/kg)+ Fipronil 9.7g/kg, (160g/l), (320g/kg)	Chief 9.9GR, 260EC, 520WP	9.9GR: rầy nâu, sâu năn, sâu đục thân/ lúa 260EC: Rầy phấn trắng, nhện gié, sâu cuốn lá, sâu đục	Công ty TNHH ADC

			thân/ lúa; sâu xanh/ lạc, 520WP: Rầy phấn trắng, sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/ lúa; sâu xanh/ lạc	
29	Chlorfluazuron 110g/l (200g/l), (250g/l), (200g/kg) + Fipronil 175g/l (100 g/l) (100g/l), (325g/kg)	Schiepusamy 285EC, 300SC, 350SC, 525WP	285EC, 300SC, 350SC: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa 525WP: Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
30	Chlorfluazuron 100 g/l (200g/kg) + Fipronil 100g/l (300g/kg) + Imidacloprid 100g/l (250g/kg)	Goodtrix 300SC, 750WP	300SC: Sâu cuốn lá/lúa 750WP: Sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié, rầy nâu/lúa; sâu xanh da láng/đậu xanh	Công ty TNHH An Nông
31	Chlorfluazuron 200g/kg + Fipronil 350 g/kg + Imidacloprid 100g/kg	TT oxys 650WP	Rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
32	Chlorfluazuron 200g/kg + Fipronil 200g/kg + Thiamethoxam 350g/kg	Fipthoxam 750WG	Sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty CP KT Dohaledusa
33	Clothianidin 500g/kg + Fipronil 250g/kg	Fes 750WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
34	Deltamethrin 25g/l (90 g/l), (90g/l), (90g/l), (110g/l), (50g/kg), (5g/kg) + Fipronil 50g/l (120 g/l), (130g/l), (170g/l),(190g/l), (727g/kg), (795g/kg)	Exkalux 75SC, 210EC, 220SC, 260SC, 300EC, 777WG, 800WG	75SC, 300EC, 777WG, 800WG: Sâu cuốn lá/ lúa 210EC: nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa 220SC: sâu đục quả/ đậu tọng, sâu cuốn lá/ lúa 260SC: sâu xanh/ thuốc lá	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
35	Dimethoate 220g/l (318g/l) (390g/l) + Fipronil 30g/l (50g/l) (60g/l) + Quinalphos 200g/l (200g/l), (218g/l)	Empryse 450EC, 568EC, 668EC	450EC, 668EC: sâu cuốn lá/lúa 568EC: rệp sáp/cà phê	Công ty CP TM và Đầu tư Bắc Mỹ
36	Dinotefuran 250g/kg (10g/kg), (10g/l) + Fipronil 50g/kg (400g/kg), (175g/l) + Imidacloprid 150g/kg (400g/kg), (370g/l)	Vdcnato 450WG, 810WG, 500FS	450WG: Rầy nâu/lúa 810WG: Sâu cuốn lá, nhện gié, sâu phao đục bẹ/lúa; rầy nâu/ lúa; Rệp sáp/cà phê, sâu đục thân/lúa 510FS: Xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
37	Dinotefuran 200g/kg + Fipronil 100g/kg + Nitenpyram 250g/kg			
38	Dinotefuran 1.9% (200g/kg) + Fipronil 0.1% (100g/kg) + Nitenpyram 48% (250g/kg)	Rammax 550WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Acclinosin 50WP, 550WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu



39	Emamectin benzoate 20g/l (20g/kg), (55g/kg) + Fipronil 50g/l (400g/kg), (500g/kg)	Nighcid 70SC, 420WG, 555WG	70SC: sâu đục thân, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa 420WG: Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa 555WG: rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; sâu đục thân/ngô	Công ty TNHH VT BVTV Phượng Mai
40	Emamectin benzoate 2.5% + Fipronil 17.5%	Rangergold 20 WP	Bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu năn, sâu keo/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hợp
41	Emamectin benzoate 56g/kg + Fipronil 30g/kg	Picomec 86WG	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
42	Emamectin benzoate 50g/kg + Fipronil 50g/kg	Andousa 100WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
43	Emamectin benzoate 110g/kg + Fipronil 40g/kg	Nanowinusa 150WG	Sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
44	Emamectin benzoate 10g/l (50g/kg) (10g/kg) + Fipronil 120g/l (200g/kg), (130g/kg) + Thiamethoxam 50g/l (50g/kg), (100g/kg)	Celltop 180EW, 300WP, 410WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
45	Emamectin benzoate 10% + Indoxacarb 10% + Fipronil 15%	Mely 35WG	nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
46	Fipronil (min 95 %)	Again 3GR, 50SC, 800WG	3GR : sâu đục thân/ lúa 50SC: sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa 800WG: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH US.Chemical
		Airblade 5SC, 800WG	5SC: Bọ trĩ/lúa 800WG: Sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Agent 5SC, 800WG	5SC: bọ trĩ/ lúa 800WG: sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
		Anpyral 800WG	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/lúa; sâu khoang/lạc, mọt đục cành/cà phê; dòi đục thân/ đậu tương, bọ xít muỗi/ ca cao; sâu năn/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Anrogen 0.3 GR, 10.8GR, 50SC, 800WG	0.3GR: Sâu đục thân/ lúa 10.8GR: Rầy nâu/lúa; tuyến trùng, ấu trùng ve sầu/cà phê 50SC, 800WG: sâu đục thân/ ngô; bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Cagent	3GR: Sâu đục thân/ lúa, mía	Công ty CP TST Cần Thơ

	3GR, 5SC, 800WG	5SC: xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bọ trĩ/ lúa 800WG: Sâu cuốn lá/ lúa	
	Centago 800WG, 50SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
	Cyroma 5SC	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
	Fidegent 50 SC, 800WG	50SC: sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa 800WG: rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
	Finico 800 WG	sâu đục thân/ ngô; sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nicotex
	Fipent 800WG	sâu đục thân/ ngô	Công ty TNHH Agro Việt
	Fiprogen 0.3GR, 0.5GR, 5SC, 800WG	0.3GR, 0.5GR: Sâu đục thân/lúa 5SC: sâu đục thân/ lúa, sâu xanh/ đậu tương 800WG: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
	Fipshot 800WG	sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Thanh Điền
	Fi-Hsiung Lai 0.3GR, 5SC	0.3GR; sâu đục thân/lúa 5SC: Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
	Forgen 800 WG	bọ trĩ/ lúa	Forward International Ltd
	Hybridsuper 800WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
	Javigent 800WG	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Nông dợc Nhật Việt
	Jianil 5 SC	sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa, xử lý hạt giống để trừ bọ trĩ/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
	Legend 0.3GR, 5SC, 800WG	0.3GR: bọ trĩ, sâu đục thân/ lúa; sâu đục thân/ ngô, mía 5SC: sâu đục thân/ ngô, mía; sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê; rệp muội/ bông vải; sâu khoang/ thuốc lá 800WG: sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu đục thân/ ngô; rệp sáp/ cà phê; sâu khoang/ thuốc lá; rệp/ bông vải	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
	Lexus 5SC, 800WG, 800WP	5SC: sâu cuốn lá/ lúa 800WG: sâu xanh da láng/ lạc 800WP: sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Map Pacific PTE Ltd

		Lugens 200FS, 800WG 200FS: xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa; sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa 800WG: rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Lupus 50ME Sâu cuốn lá/lúa, xử lý hạt giống trừ rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
		Phironin 50 SC, 800WG 50SC: sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu khoang/ lạc; xử lý hạt giống để trừ bọ trĩ/ ngô, sâu cuốn lá/ lúa 800WG: sâu đục thân/ ngô; sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá/ lúa; xử lý hạt giống trừ sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Phizin 50SC, 800 WG 50SC: sâu cuốn lá/ lúa 800WG: sâu đục thân/ ngô; sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Trại ờng Thịnh
		Rambo 5SC, 800WG bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu năn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
		Ranger 0.3GR, 5SC, 800WG 0.3GR: sâu đục thân/ lúa 5SC: sâu đục thân/ ngô, bọ trĩ/ lúa; xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa 800WG: bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Høng
		Reagt 5SC, 800WG 5SC: rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa 800WG: rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu đục thân/ ngô	Công ty TNHH Việt Thắng
		Regal 3GR, 6GR, 50SC, 75SC, 800WG 3GR: sâu đục thân/ lúa, sùng/ mía, tuyến trùng/ hồ tiêu 6GR: Sâu đục thân, tuyến trùng/ lúa 50SC: sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục thân/ lúa 75SC: Sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa 800WG: sâu đục thân/ ngô; sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục thân/ lúa	Cali - Parimex. Inc.
		Regent 0.3GR, 5SC, 800WG 0.3GR: sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu keo, sâu phao, sâu cuốn lá, sâu năn/ lúa; sâu đục thân/ ngô, mía; ve sầu/ cà phê 5SC: sâu đục thân, sâu cuốn lá,	Bayer Vietnam Ltd (BVL)

		bọ trĩ/ lúa; xử lý hạt giống trừ dế, kiến, nhện, bọ trĩ, sâu đục thân, sâu năn, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu phao, sâu keo/ lúa 800WG: sâu đục thân, bọ xít, rầy nâu, sâu cuốn lá, bọ trĩ, nhện gié/ lúa; bọ trĩ/ điều; rệp sáp/ cà phê	
	Regrant 800WG	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
	Rigell 3GR, 6GR, 50SC, 75SC, 800WG	3GR: sâu cuốn lá/ đậu tằm; sâu đục thân/ ngô; tuyến trùng, sâu đục thân/ mía 6GR: Sâu cuốn lá, sâu đục thân, tuyến trùng/ lúa 50SC: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa 75SC: Sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa 800WG: rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
	Rigenusamy 3GR, 50SC, 800WG	3GR: Sâu đục thân/lúa 50SC: Bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa 800WG: Sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
	Sagofifro 850WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
	Supergen 5SC, 800WG	5SC: xử lý hạt giống để trừ bọ trĩ, sâu phao, sâu keo, muỗi hành, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; bọ trĩ, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa 800WG: sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu, sâu đục thân, bọ xít/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH - TM Tân Thành
	Suphu 0.3GR, 10GR, 5SC, 10EC, 800WG	0.3GR: sâu đục thân/ ngô; sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu năn/ lúa 10GR: rầy nâu, sâu đục thân, nhện gié/ lúa; rệp sáp, ấu trùng ve sầu, tuyến trùng/ cà phê 5SC: sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu đục thân/ lúa 10EC: sâu đục thân/ ngô, lúa, mía 800WG: sâu đục thân, bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH ADC
	Tango 50SC,	sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy	Công ty CP BVTV I TW

		800WG	nhâu, bọ trĩ/ lúa	
		Thenkiu 800WG	Sâu đục thân/ngô	Công ty TNHH King Elong
		Tungent 5GR, 5SC, 100SC, 800WG	5GR: Rệp sáp giả/ rế cà phê; tuyến trùng/hồ tiêu; sâu đục thân/mía, ngô 5SC: sâu xanh, sâu khoang/ lạc; sâu đục thân/ ngô; sâu đục thân, sâu cuốn lá, sâu phao, bọ xít, sâu đục bẹ, rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; sâu róm/ điều 100SC: rệp sáp/ cà phê; bọ xít muối/ điều, tuyến trùng/hồ tiêu, sâu đục thân/mía; sâu xanh da láng/ lạc, sâu xanh/ đậu tọng, sâu đục thân/ngô, rầy nâu, bọ trĩ/ lúa 800WG: bọ xít muối/ điều; rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu xanh/ lạc; sâu đục thân/ ngô	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Tạ ếch 800WG	rệp vảy/ cà phê, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Virigent 0.3GR, 50SC, 800WG	0.3GR: sâu đục thân/ lúa 50SC: sâu cuốn lá/ lúa, xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy nâu/ lúa 800WG: bọ trĩ, sâu đục thân, sâu năn, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
47	Fipronil 100g/l + Flufiprole 100g/l	Flufipro 200SC	nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
48	Fipronil 160g/l (322g/kg) + Hexaflumuron 100g/l (100g/kg)	Nok 260EC, 422WG	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
49	Fipronil 30g/l + Imidacloprid 150g/l	Pyzota 180EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
50	Fipronil 400 g/kg + Imidacloprid 100 g/kg	Angerent 500WP	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP XNK Nông dợc Hoàng Ân
51	Fipronil 0.3% + Imidacloprid 0.2%	Futim 5GR	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Nông dợc HAI
52	Fipronil 2.9 g/kg, (3g/kg), (50g/l), (20g/l), (85g/kg), (785g/kg) + Imidacloprid 0.1g/kg, (2g/kg), (5g/l), (80g/l), (15g/kg), (15g/kg)	Configent 3GR, 5GR, 55SC, 100EC, 100WP, 800WG	3GR, 5GR, 55SC, 800WG: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa 55SC: sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ/ lúa 100EC: sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa 100WP: sâu xanh/ đậu tọng	Công ty TNHH Kiên Nam

53	Fipronil 3g/kg, (29g/l), (59g/l), (130g/kg), (30g/kg), (400g/kg), (30g/kg) + Imidacloprid 1g/kg, (1g/l), (1g/l), (25g/kg), (250g/kg), (100g/kg), (720g/kg)	Henri 4GR, 30EC, 60SC, 155WP, 280WP, 500WG, 750WG	4GR, 30EC, 60SC, 500WG: sâu cuốn lá/ lúa 155WP: sâu phao/ lúa 280WP, 750WG: rầy nâu/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
54	Fipronil 180g/l (400g/kg) + Imidacloprid 360g/l (400g/kg)	Sunato 540FS, 800WG	540FS: Xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bọ trĩ/lúa 800WG: Rệp sáp giả/ca cao, cà phê, hồ tiêu; rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa, bọ trĩ/điều; rệp muội, bọ phấn/khoai tây	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
55	Fipronil 100g/l (250g/kg) + Imidacloprid 150g/l (440g/kg) + Lambda-cyhalothrin 80g/l (60g/kg)	Kosau 330SC, 750WP	330SC: Sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa 750WP: Sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH An Nông
56	Fipronil 100 g/kg + Imidacloprid 10 g/kg + Thiamethoxam 250g/kg	Accora 360WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
57	Fipronil 600g/kg + Imidacloprid 150g/kg + Thiamethoxam 100g/kg	Hummer 850WG	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
58	Fipronil 50 g/l + Indoxacarb 25g/l	Blugent 75SC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
59	Fipronil 300g/kg + Indoxacarb 150g/kg	Map wing 45WP	Sâu cuốn lá nhỏ/lúa, sâu xanh/đậu tương	Map Pacific Pte. Ltd
60	Fipronil 500g/l + Indoxacarb 150g/l	Seahawk 650SC	Sâu cuốn lá, sâu keo/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
61	Fipronil 400g/kg + Indoxacarb 150g/kg	Rido 550WP	Sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
62	Fipronil 500g/kg, (306g/kg) + Indoxacarb 100g/kg, (150g/kg)	M79 600WG, 456WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
63	Fipronil 50g/l (38g/l) (100g/kg) (450g/kg) + Indoxacarb 16.88g/l (130g/l) (100g/kg), (50g/kg)	Bugergold 66.88EW, 168SC, 200WP, 450SG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
64	Fipronil 50g/l + Indoxacarb 100g/l	Endophos super 150SC	Sâu khoang/lạc	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
65	Fipronil 50g/l + Indoxacarb 150g/l	Homata 200EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
66	Fipronil 25g/l (50g/l),	Adomate	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP XNK Nông dược

	(10g/l) + Indoxacarb 25g/l (50g/l), (150g/l)	50SC,100SC, 160SC		Hoàng Ân
67	Fipronil 30g/l (35g/kg), (160g/l), (100g/l), (10g/l), (200g/kg), (606g/kg) + Indoxacarb 50g/l (54.9g/kg), (10g/l), (20g/l), (10g/l), (20g/kg), (50g/kg) + Thiamethoxam 15g/l (10g/kg), (10g/l), (50g/l), (200g/l), (50g/kg), (10g/kg)	Newebay 95EC, 99.9WG, 170EW, 180SC, 220SC, 270WG, 666WG	95EC, 99.9WG, 180SC, 270WG, 666WG: Sâu cuốn lá/lúa 170EW: Rầy lợng trắng/lúa 220SC: rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
68	Fipronil 80g/l + Lambda- cyhalothrin 20g/l	Nanochiefusa 100EC	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
69	Fipronil 35g/l (50g/l), (90g/l) + Lambda- cyhalothrin 15g/l (25g/l), (25g/l)	Accenta 50EC, 75EC, 115EC	50EC, 115EC: sâu đục thân/ lúa 75EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP nông dược Nhật Việt
70	Fipronil 45g/l (500g/kg), (795g/kg) + Lambda- cyhalothrin 15g/l (200g/kg), (5g/kg)	Goldgent 60EC, 700WG, 800WG	60EC: sâu cuốn lá/ lúa 700WG, 800WG: Rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ, bọ trĩ/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
71	Fipronil 50 g/l + 25g/l Lambda-cyhalothrin	Golgal 75EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
72	Fipronil 120g/kg + Methylamine avermectin 60 g/kg	Fu8 18WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
73	Fipronil 0.8 g/l (10.4g/l), (0.1g/l), (60g/kg), (5g/kg), (260g/kg) + Nitenpyram 100 g/l (390g/l), (449.9g/l), (440g/kg), (550g/kg), (540g/kg)	Newcheck 100.8SL, 400.4SL, 450SL, 500WP, 555WP, 800WP	100.8SL, 400.4SL, 500WP, 555WP: rầy nâu/ lúa 100.8SL: Nhện gié/lúa 450SL: Nhện gié, rầy nâu/lúa 800WP: Rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê, bọ trĩ/điều	Công ty TNHH An Nông
74	Fipronil 100g/kg + Nitenpyram 500g/kg	Vinagold 600WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
75	Fipronil 260g/kg + Nitenpyram 540g/kg	Meta gold 800WP	Rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
76	Fipronil 50 g/kg + Pymetrozine 250g/kg	Pymota 300WG	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
77	Fipronil 100g/kg + Pymetrozine 500g/kg	Chessshop 600WG	rầy nâu, nhện gié/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH SX và KD Tam Nông
78	Fipronil 500g/kg + Pymetrozine 200g/kg	Jette super 600WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Mekong
		M150 700WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hạng

79	Fipronil 85g/kg, (110g/kg), (680g/kg), (800g/kg) + Pymetrozine 500g/kg, (550g/kg), (120g/kg), (10g/kg)	Chet 585WG, 660WG, 800WG, 810WG	585WG: 660WG, 800WG: rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa 810WG: sâu cuốn lá, nhện gié, sâu phao/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
80	Fipronil 100g/kg (150g/kg) (150g/kg) + Pymetrozine 500g/kg (500g/kg) (550g/kg), (600g/kg)	Biograp 600WG, 650WG, 700WG, 750WG	600WG, 750WG: Rầy nâu/lúa 650WG, 700WG: Sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
81	Fipronil 75g/l + Propargite 625g/l	Gatpro-HB 700EC	Nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
82	Fipronil 25g/l + Quinalphos 225g/l	Goltoc 250EC	Sâu cuốn lá/ lúa; sâu đục thân/lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
83	Fipronil 20% + Tebufenozide 20%	Tore 40SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
84	Fipronil 50.5g/l (100g/kg)+ Thiacloprid 250g/l (550g/kg) + Thiamethoxam 100g/l (107g/kg)	Bagenta 400.5SC, 757WP	400.5SC: Sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa; sâu xanh da láng/đậu xanh, rệp sáp/cà phê 757WP: Sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục bẹ, sâu đục thân/ lúa; sâu xanh da láng/đậu xanh, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH An Nông
85	Fipronil 5 g/kg + Thiamethoxam 295g/kg	Onera 300WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
86	Fipronil 200g/l (100g/kg) + Thiamethoxam 200g/l (100g/kg)	MAP Silo 40SC, 200WP	40SC: Xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa 200WP: bọ trĩ/ lúa	Map Pacific Pte Ltd
87	Fipronil 0.3%+ 11.7% Thiosultap-sodium	Fretil super 12GR	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
88	Indoxacarb 10% + Fipronil 5%	Isophos 15EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
89	Indoxacarb 120g/l + Fipronil 130g/l	Zentomax 250SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP TM và Đầu tư Bắc Mỹ
2. Thuốc trừ mối				
1	Fipronil (min 95 %)	Agenda 25 EC	mối/ công trình xây dựng, đê đập	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Mote 30EC	mối/ công trình xây dựng	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Terdomi 25EC	mối/ công trình xây dựng	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
		Tefurin 25 EC	mối/ công trình xây dựng	Công ty CP Hatashi Việt Nam

	Termisuper 25EC	mối/ công trình xây dựng	Công ty CP Khử trùng - Trừ mối Việt Nam
3. Thuốc xử lý hạt giống			
1	Fipronil 100g/l + Azoxystrobin 100g/l + Gibberellic acid 1g/l	Treat 201SC	xử lý hạt giống trừ bệnh/ lúa Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu